

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2021/DS-PT
Ngày: 16 - 4 - 2021
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 3 và 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản dân sự sơ thẩm số: 148/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2021/QĐXX-PT ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1948 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Diệp Văn H1, sinh năm 1938 và bà Lê Thị T, sinh năm 1938

Người đại diện hợp pháp của ông H1: Chị Diệp Kim A, sinh năm 1971 (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà T: Chị Diệp Kim N, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lâm Văn C, sinh năm 1970 (có mặt)

2. Anh Trần Văn D, sinh năm 1974 (có mặt)

3. Chị Diệp Kim A, sinh năm 1971 (có mặt)

4. Chị Diệp Kim N, sinh năm 1984 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo:* Chị Diệp Kim N, là người đại diện hợp pháp của bị đơn (bà T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H có một phần đất tổng diện tích 4.800m² thuộc thửa 863 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 17/01/1994. Phần đất này Hướng Tây giáp đất ông Diệp Văn H1 chiều ngang 1,5m x chiều dài 54m, tổng diện tích là 81m², tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Ông H canh tác từ năm 1984 đến nay, do ông H1 đưa xáng vào mức làm sặc lở sụp bờ nuôi tôm công nghiệp của ông chiều ngang 1,5m x chiều dài 54m, tổng diện tích là 81m² thiệt hại mà ông không nuôi tôm được làm tổn thất kinh tế. Nay ông H yêu cầu ông H1 khắc phục lại hiện trạng cái bờ ngang 1,5m x chiều dài 54m, tổng diện tích là 81m².

- *Chị Diệp Kim A là người đại diện hợp pháp của ông Diệp Văn H1 trình bày:*

Chị Kim A không đồng ý lời trình bày của ông H. Chị xác định phần đất ông H yêu cầu khắc phục cái bờ như hiện trạng ban đầu chiều ngang 1,5m, chiều dài 54m, tổng diện tích là 81m² tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau là phần đất của ông H1 chứ không phải đất ông H. Phần đất tranh chấp thì ông H1 đã chuyển nhượng cho ông H khoảng 31 năm diện tích chiều 10 tầm (tầm3 mét) x chiều dài 11 tầm 03m trị giá 10 gia lúa, khi chuyển nhượng xong thì ông H tự đào mương ranh thì ông H1 không hay, đến khoảng 10 năm nay thì ông H đưa xáng vào mút để làm hầm nuôi tôm công nghiệp thì ông H lấn sang phần đất ông H1 chiều ngang 17m, chiều dài 22m, tổng diện tích là 371m². Nay ông H1 không đồng ý yêu cầu khắc phục lại hiện trạng cái bờ ngang 1,5m x chiều dài 51m, tổng diện tích là 81m² và bồi thường số tiền chi phí đo đạc mà trước đây là 13.344.000 đồng cho ông H.

- *Chị Diệp Kim N là người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T trình bày:* Chị Ngân thống nhất lời trình bày của chị Diệp Kim A. Chị không bổ sung ý kiến gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn D trình bày:* Anh D thống nhất lời trình bày của chị Diệp Kim A. Anh không bổ sung gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn C trình bày:* Anh C thống nhất lời trình bày của chị Diệp Kim A. Anh không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Áp dụng: Các Điều 26, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015; Các Điều 158, 159, 164, 168 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H đối với ông Diệp Văn H1, bà Lê Thị T.

Buộc ông Diệp Văn H1, bà Lê Thị T khắc phục lại hiện trạng bờ bị sạt lở cho ông Nguyễn Văn H đối với phần đất có diện tích như sau: Cạnh M6, M7 = 1.06m; M7, M8 = 50.97m; M8, M9 = 2.28m; M9, M6 = 51.21m. Tổng diện tích 85,32m², tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

(Kèm theo bản trích lục thửa đất ngày 23/7/2020 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 25/12/2020 người đại diện hợp pháp của bị đơn (bà T) là chị Diệp Kim N có đơn kháng đối với bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Ông H đồng ý với kết quả thẩm định ngày 01/4/2021 của TAND tỉnh Cà Mau vì ông tôn trọng sự thật, yêu cầu bị đơn khắc phục lại bờ bị sạt lở như hiện trạng ban đầu.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Kim A, Kim N đồng ý với kết quả thẩm định ngày 01/4/2021 của TAND tỉnh Cà Mau, tuy nhiên nguyên đơn phải chịu ½ chi phí khắc phục.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D đồng ý khắc phục như kết quả thẩm định ngày 01/4/2021 của TAND tỉnh Cà Mau chứ không đồng ý khắc phục như hiện trạng ban đầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn khắc phục lại bờ bị sạt lở cho nguyên đơn diện tích theo biên bản thẩm định ngày 01/4/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có những yêu cầu đối với bị đơn ông Diệp Văn H1, bà Lê Thị T như sau: yêu cầu bị đơn giao trả quyền sử dụng đất 81m² tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau; yêu cầu bị đơn khắc phục lại hiện trạng cái bờ 81m² (ngang 1,5m, dài 54m) và chi phí đo đạc ở vụ án khác với số tiền 13.344.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần nội dung khởi kiện về yêu cầu đòi lại 81m² đất. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất là bị đơn đắp lại bờ cho nguyên đơn. Bản án dân sự sơ thẩm quyết định: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H đối với ông Diệp Văn H1, bà Lê Thị T. Buộc ông Diệp Văn H1, bà Lê Thị T khắc phục lại hiện trạng bờ bị sạt lở cho ông Nguyễn Văn H đối với phần

đất có diện tích như sau: Cạnh M6, M7 = 1.06m; M7, M8 = 50.97m; M8, M9 = 2.28m; M9, M6 = 51.21m. Tổng diện tích 85,32m², tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Bị đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo, đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, ông H có những yêu cầu:

- *Thứ nhất:* Yêu cầu bị đơn giao trả lại quyền sử dụng đất 81m² tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/12/2020, ông H rút lại yêu cầu này, bản án sơ thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết là đúng quy định pháp luật về quyền tự định đoạt của đương sự.

- *Thứ hai:* Yêu cầu bị đơn hoàn trả lại chi phí đo đạc là 13.344.000 đồng; bản án sơ thẩm không đặt ra xem xét, giải quyết bởi vì số tiền ông H đặt ra không liên quan trong vụ án này, mà là chi phí tổ tụng ở vụ án khác; mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm thì ông H mới yêu cầu, cho nên cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng pháp luật.

- *Thứ ba:* Ông H yêu cầu bị đơn khắc phục lại hiện trạng cái bờ. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn đồng ý khắc phục lại hiện trạng bờ, được ông H đồng ý. Tuy nhiên, bị đơn kháng cáo không đồng ý với án sơ thẩm vì cho rằng vị trí, kích thước bản án sơ thẩm tuyên không đúng với ý kiến của bị đơn, trong khi bị đơn chỉ đồng ý khắc phục cái bờ lấy mốc từ ranh tức là trụ đá trở vào phần đất ông H. Qua yêu cầu của bị đơn, nhận thấy lời trình bày của bị đơn là khách quan, bởi lẽ, tại “Giấy thỏa thuận” lập ngày 06/6/2019 giữa hai bên có nội dung “Bên B có trách nhiệm khắc phục cái bờ ranh cho bên A để bên A nuôi tôm. Vị trí ranh do các bên thỏa thuận và xác định”; tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn xác định ranh giới được phân định bằng một cây trụ đá, cả hai bên đương sự đều có ý kiến đo từ trụ đá vào phần đất ông H để tính diện tích khắc phục và nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu đo đạc lại. Cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, tại phiên thẩm định thì ông H cho rằng trụ đá bị di dời; bị đơn xác định trụ đá vẫn ở vị trí như đã cắm ban đầu. Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương xem xét thực tế có cây trụ đá được cắm rất sâu và đại diện chính quyền ấp xác nhận vị trí cây trụ đá là đúng vì trước đây có tham dự việc cặp trụ đá để phân định ranh giới giữa hai bên. Như vậy, có căn cứ xác định trụ đá là ranh giữa đất ông H và ông H1. Cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vì lý do các bên đương sự không hợp tác. Cho nên bản án sơ thẩm buộc bị đơn khắc phục đắp bờ cho nguyên đơn căn cứ vào bản trích lục thửa đất ngày 23/7/2020 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau, căn cứ vào bản trích lục này thì diện tích là 85,32m² lớn hơn diện tích mà Tòa án cấp phúc thẩm đã thẩm định thực tế, kết quả thẩm định ngày 01/4/2021 thể hiện: Trụ đá (ký hiệu M6), M6M7 là 0,73m; đoạn giữa M6’M7’ là 0,73m; đoạn cuối M8M9 là 1,6m; chiều dài M6M9 là 51.21m và M7M8 là 50.97m, diện tích 59,05m². Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ là phù hợp với thực tế, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện

hợp pháp của bị đơn đồng ý với kết quả thẩm định ngày 01/4/2021 và nguyên đơn đồng ý để bị đơn khắc phục lại cái bờ theo như vị trí, diện tích thể hiện tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ. Do kết quả này có thay đổi so với bản trích lục cho nên Hội đồng xét xử có điều chỉnh cho phù hợp; do vậy, sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn phải khắc phục cho nguyên đơn bằng hình thức đắp đất lại cái bờ bị sạt lở đối với phần đất có diện tích 59,05m², cụ thể: Lấy trụ đá (ký hiệu M6) là ranh tính qua phần đất của ông H thể hiện M6M7 là 0,73m; đoạn giữa M6'M7' là 0,73m; đoạn cuối M8M9 là 1,6m; chiều dài M6M9 là 51.21m và M7M8 là 50.97m.

(Các ký hiệu thể hiện trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ được sử dụng từ ký hiệu của Bản Trích lục thửa đất ngày 23/7/2020 được phóng to vị trí mép nước).

[3] Về phía nguyên đơn không đồng ý nhận tiền từ bị đơn mà yêu cầu khắc phục lại cái bờ và bị đơn cũng đồng ý đắp đất lại cái bờ cho nguyên đơn chứ không thống nhất bồi thường bằng tiền. Với ý kiến của các bên đương sự, qua xem xét thực tế nhận thấy diện tích bị sạt lở không thể lấy từng m³ đất để đắp, mà phải đưa cơ giới vào mức đất, cho nên khó có thể quy ra giá trị buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/4/2021, đại diện bị đơn yêu cầu nguyên đơn chịu ½ chi phí cho việc khắc phục lại hiện trạng bờ, nguyên đơn không đồng ý và Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận yêu cầu của bị đơn vì phía bị đơn có lỗi dẫn đến thiệt hại thì phải chịu toàn bộ.

[4] Đối với án phí dân sự sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của bị đơn yêu cầu xem xét về án phí sơ thẩm. Nhận thấy, bị đơn ông Diệp Văn H1, sinh năm 1938 và bà Lê Thị T, sinh năm 1938 là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 27/12/2016 thì bị đơn được miễn án phí; vì vậy, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[5] Từ nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa được chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn yêu cầu đo đạc lại, nguyên đơn cũng đồng ý. Vì vậy hai bên phải chịu chi phí, bị đơn đã nộp đủ 500.000 đồng, nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bị đơn 250.000 đồng, chậm thanh toán phải chịu lãi suất theo quy định pháp luật.

[8] Án phí phúc thẩm bị đơn không phải chịu, có dự nộp được nhận lại.

[9] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2020/DS-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ các Điều 26, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015; Các Điều 158, 159, 164, 168, 589 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H đối với ông Diệp Văn H1, bà Lê Thị T.

Buộc bị đơn ông Diệp Văn H1, bà Lê Thị T khắc phục cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H bằng hình thức đắp đất lại cái bờ bị sạt lở đối với phần đất tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Vị trí, diện tích như sau: Lấy trụ đá (ký hiệu M6) là mốc ranh giới đo qua phần đất của ông H, $M6-M7 = 0,73m$; đoạn giữa $M6-M7' = 0,73m$; đoạn cuối $M8-M9 = 1,6m$; chiều dài $M6-M9$ là 51.21m và $M7-M8$ là 50.97m. Tổng diện tích $59,05m^2$, độ sâu là 0,6m.

(Kèm theo bản trích lục thửa đất ngày 23/7/2020 của Trung tâm Kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau (bút lục 82) và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/4/2021).

2. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng, mỗi bên đương sự chịu $\frac{1}{2}$, bị đơn đã nộp đủ 500.000 đồng, nguyên đơn ông H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bị đơn 250.000 đồng. Trường hợp ông H chậm thanh toán phải chịu lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm

Ông Diệp Văn H1, bà Lê Thị T được miễn.

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí, ông H có dự nộp số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0004732 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C được nhận lại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu. Ngày 25/12/2020 chị Diệp Kim N đứng tên nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0005998 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được nhận lại.

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền